

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **163/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày: 16/9/2022  
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Nghị  
Ông Hoàng Văn Mầm

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Sim -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Viết Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 28/4/2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Lê Văn P – sinh năm: 1961

Địa chỉ: Thôn 13, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn đề nghị xét xử mặt)

**Bị đơn:** Bà Đậu Thị T – sinh năm: 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 13, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Lê Văn P trình bày:***

Ông và bà T chung sống với nhau tự nguyện có đăng kí kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 06/10/1983 tại Ủy ban nhân dân xã NL, N, Nghệ An. Hiện nay giấy kết hôn bản chính và trích lục kết hôn bản chính đã mất nên không có cung cấp cho Tòa án. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chính là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông và bà T đã sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay.

Hiện nay ông P ,không còn thương yêu bà T nữa nên làm đơn yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà T .

Về con chung: Có 04 con chung: Lê Văn D , sinh ngày 02/5/1987; Lê Thị V sinh ngày 09/02/1991, Lê Văn C , sinh ngày 18/12/1996; Lê Thị H , sinh ngày 10/9/1998; Hiện nay các con đã trên 18 tuổi nên không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn bà Đậu Thị T: Quá trình giải quyết vụ án bà T không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi bà T và ông P ,sinh sống cho biết bà T hiện nay đang cư trú tại địa phương; Quá trình sinh sống vợ chồng ông P ,bà T có mâu thuẫn xảy ra.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án:***

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự còn bị đơn chưa chấp hành quyền, nghĩa vụ theo Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn P.

Về quan hệ hôn nhân: Lê Văn P ly hôn với bà Đậu Thị T ; Về con chung: Có 04 con chung hiện nay đã trên 18 tuổi nên việc chăm sóc cháu ở với ai là tùy các cháu nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra lại tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là ly hôn, đây là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Lê Văn P và bà Đậu Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ ngày 06/10/1983, theo lời khai của ông P ,thì ông P ,và bà T có đăng ký kết hôn vào ngày 06/10/1983 tại UBND xã Nam Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An và có

cung cấp cho Tòa án một trích lục kết hôn bản phô tô, còn giấy kết hôn bản chính và trích lục kết hôn bản chính đã mất nên không có cung cấp cho Tòa án. Tòa án đã làm công văn xác minh gửi tới UBND xã Nam Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An thì tại công văn số 83/UBND-HT ngày 28/7/2022 UBND xã NL (nay là UBND xã T) trả lời như sau: Hiện nay UBND xã T không lưu trữ sổ hộ tịch đăng ký kết hôn của Lê Văn P và bà Đậu Thị T nên không xác định được ông P ,bà T đăng ký kết hôn hay không. Như vậy, cần xác định ông P ,và bà T sống chung không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên ông bà sống chung từ ngày 06/10/1983 thì theo điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 thì xác định đây là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Toà án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung. Quá trình duy trì quan hệ hôn nhân giữa ông P ,và bà T có xảy ra mâu thuẫn không thể hòa giải được. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống và tính cách sống nên từ năm 2014 đến nay đã sống ly thân nhau. Hội đồng xét xử, xét thấy mâu thuẫn giữa ông P ,và bà T đã rất trầm trọng, vợ chồng không còn sống chung với nhau đã 08 năm, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Lê Văn P là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về con chung: Ông P ,và bà T có 04 con chung là Lê Văn D , sinh ngày 02/5/1987; Lê Thị V sinh ngày 09/02/1991, Lê Văn C , sinh ngày 18/12/1996 và Lê Thị H , sinh ngày 10/9/1998. Hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi nên việc chăm sóc ở với ai là tùy các cháu, Tòa án không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn Lê Văn P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- *Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

- *Áp dụng: Điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 và khoản 1 Điều 85, khoản 1 Điều 89 và Điều 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;*

- *Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn P

1. Về quan hệ hôn nhân: Lê Văn P ly hôn với bà Đậu Thị T.

2. Về án phí: Nguyên đơn Lê Văn P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0012342 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND xã Thượng Tân Lộc;
- Nam Đàn; Nghệ An
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

**Lê Thị Mai**